

NHU CẦU THẨM ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC GIÁ TRỊ ĐỜI SỐNG TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM SAU ĐỔI MỚI NHÌN TỪ HỆ THỐNG NHÂN VẬT NHÀ VĂN

Phạm Thị Thu Hương

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Khánh Hòa, Nha Trang

Ngày nhận bài 25/8/2021, ngày nhận đăng 12/11/2021

Tóm tắt: Năm 1986 đặt một dấu mốc quan trọng trong đời sống xã hội nói chung và đời sống văn học nói riêng, tạo nên những chuyển biến quan trọng về mặt tư duy trên tất cả mọi lĩnh vực, trong đó có văn học nghệ thuật. Bài viết tìm hiểu nhu cầu thẩm định, đánh giá lại các giá trị đời sống trong văn xuôi Việt Nam sau Đổi mới thể hiện qua hệ thống nhân vật nhà văn. Từ hệ thống nhân vật này, có thể hiểu thêm về những nhu cầu nhận thức của các tác giả, cụ thể là nhu cầu thể hiện trách nhiệm xã hội của nhà văn, nhận thức về thực trạng đất nước, và tìm tòi định hướng hình thức nghệ thuật mới. Thông qua việc khảo sát một số tác phẩm tiêu biểu xây dựng hình tượng nhân vật nhà văn, bài báo nhằm góp phần khẳng định tinh thần tự nhận thức trong văn học Việt Nam sau Đổi mới.

Từ khóa: Đổi mới; văn xuôi Việt Nam; nhân vật nhà văn; tự nhận thức; giá trị đời sống.

1. Mở đầu

Văn xuôi Việt Nam sau Đổi mới 1986 ra đời và phát triển trong một hoàn cảnh hết sức thuận lợi: Đó là sự đổi mới trong ý thức thẩm mỹ của công chúng, những cơ hội tốt đẹp trong giao lưu, hội nhập, tiếp thu văn hóa - văn học nước ngoài... Xuất phát từ yêu cầu, mục đích, quy luật phát triển của thời đại, văn học với sự nhạy cảm vốn có của nó, luôn tìm cách tiếp thu cái mới, bên cạnh đó xem xét lại, lý giải những giá trị đã được khẳng định từ trước, do vậy có một số giá trị vốn được coi là chân lý, đã ổn định ở thời kỳ trước thì đối với thời đại này vẫn còn nhiều vấn đề phải “bàn lại”, “nói lại” hoặc nhìn nhận lại một cách đầy đủ, sâu sắc và đúng đắn hơn. Trong sáng tạo văn chương, đây thực ra không phải là một hành động “bới móc” “làm nhoè” các giá trị đã được định hình trong quá khứ mà là một cách “ôn cố tri tân”, học hỏi kinh nghiệm và bổ sung những đặc điểm còn thiếu khuyết trong văn học giai đoạn trước để có một cái nhìn toàn diện, hoàn thiện hơn trong văn học giai đoạn này. Nhu cầu thẩm định, đánh giá lại các giá trị đời sống và giá trị thẩm mỹ một cách chân xác, khách quan với tinh thần hoài nghi lịch sử, nhận thức lại mọi giá trị của đời sống hiện thực và nghệ thuật là một hành động thúc đẩy văn học phát triển.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu thể hiện trách nhiệm xã hội của nhà văn

Từ giữa thập kỷ 80 của thế kỷ XX, cùng với sự vươn vai chuyển mình của đất nước trên tất cả mọi lĩnh vực, văn học nghệ thuật cũng có ý thức tự đổi mới để phù hợp với xu thế xã hội và đòi hỏi của thời đại. Với nỗ lực vượt thoát “quán tính” của nền văn học phục vụ hai cuộc kháng chiến, văn học Việt Nam kể từ Đổi mới đã “cùng một lúc, nhận lại những cái đã đánh mất, đã từ bỏ và nhận thêm những cái chưa có để có đủ sinh lực phát triển trong những đòi hỏi mới của thời đại” (Vũ Tuấn Anh, 2006).

Hiện thực cuộc sống vốn luôn ngổn ngang bề bộn, có quá nhiều mối quan hệ đan xen chằng chịt, phức tạp và bí ẩn. Người nghệ sĩ với sự xông xáo nhiệt tình, sự nhạy cảm vốn có và khiếu quan sát tinh tường đã rất cố gắng trong việc khám phá, lí giải đời sống. Chỉ có điều, khác với giai đoạn trước, các nhà văn không còn thỏa mãn với cách nhìn nhận xã hội ở mặt nổi của nó mà tập trung khám phá hiện thực ở chiều sâu, bề xa, không bằng lòng dừng lại ở cấp độ “phản ánh” mà còn muốn “nghiên ngẫm về hiện thực”. Tác phẩm văn học cũng như một cuốn bách khoa về đời sống, nó đòi hỏi nhà văn phải có kiến thức phong phú, rộng rãi về nhiều mặt, trong đó quá trình tích lũy vốn sống cũng là một khâu trọng yếu.

Xưa, nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng nhận thấy: “Muốn văn hay phải hiểu biết và từng trải nhiều. Văn chương chữ nghĩa không phải là lời nói suông. Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có núi sông kỳ lạ của thiên hạ thì không thể làm văn được” (Phan Cự Đệ, 2003, tr. 629). Các nhà văn tích lũy vốn sống bằng cách đi nhiều, tham gia trực tiếp vào các hoạt động xã hội cùng nhân dân với mong muốn biến “vốn sống” thành “chất sống”, thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa văn chương với cuộc đời. Nhất là trong thời điểm đất nước có nhiều biến động rất cần tới sự động viên về tinh thần. Điều này lý giải nguyên nhân vì sao trong những tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thời chiến tranh luôn có một nhân vật nhà văn với hành trang là một ba lô con cóc, một cuốn sổ, cây bút và chuỗi ngày lang thang đi thực tế trên khắp các nẻo đường rừng chiến tranh để ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, phản ánh “hiện thực một cách hiện thực”. Nhân vật nhà văn trong tác phẩm Nguyễn Khải lại thể hiện mối quan hệ gắn bó của mình bằng cách đi thực tế, thực hiện tốt phong trào “ba cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân.

Trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1986, sự gắn bó giữa nhà văn với đời sống không phải thể hiện một cách đơn giản ở bề nổi mà nó nằm trong mạch ngầm tư duy của nhà văn. Chính một nhân vật nhà văn trong truyện ngắn *Trăng soi sân nhỏ* của Ma Văn Kháng đã tự nhận thấy: “Văn chương là chuyện đời thông qua việc đào bới bản thể mình ở chiều sâu tâm hồn, chứ đâu phải đi hót lấy cái vầng bọt nổi trên mặt của ngoại vật. Đâu có phải cứ lặn lội xuống cơ sở, gần gũi cái búa, cái bay, sống giữa tiếng máy, mùi than thì mới viết được văn hay” (Nguyễn Văn Long, 2007). Sự ý thức sâu sắc của chủ thể sáng tạo đã làm cho đời sống văn học thêm phong phú, đa dạng. Từ hành trình của văn học mở ra một thế giới bao la có sức gợi của tư tưởng, hướng người đọc vào những vấn đề của con người và cuộc đời hôm nay.

Ở tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm*, Nguyễn Khải đã đưa người đọc bước vào không khí lịch sử của buổi giao thời giữa chế độ cũ và chế độ mới qua con mắt của tầng lớp thượng lưu trí thức - một tầng lớp đại diện cho chế độ cũ đã bị sụp đổ sau ngày 30/4/1975 vẫn đang ngồi nườm nượp tiệc thời quá khứ vàng son của mình và chưa thực sự thích ứng với thời hiện tại. Một lớp nữa lại đại diện cho chế độ mới đang lên. Trong cuộc gặp gỡ thân mật đêm giao thừa giữa mấy thế hệ, nhân vật nhà văn đóng vai trò là người thuộc phái trung dung: vừa chứng kiến, chia sẻ những nỗi niềm băn khoăn và sự lựa chọn cách sống của họ, lại vừa khám phá cuộc sống buổi giao thời, khi cái mới chưa phát huy được ưu thế của mình còn cái cũ lại chưa bị triệt tiêu hẳn, đồng thời cũng bộc lộ lòng tự hào không che dấu về những gì mà chiến thắng 30/4/1975 đem lại. Những cuộc đối thoại, tranh biện không dứt giữa các luồng tư tưởng, các quan niệm của những lớp người qua từng thời kỳ lịch sử đặt trong phát ngôn của nhân vật, đặc biệt là nhân vật nhà văn - một

người am hiểu tình hình thời cuộc lại là người biết lắng nghe, biết đưa ra những nhận xét đúng lúc đúng chỗ nhưng không kém phần sắc sảo làm cho tác phẩm vừa có chiều sâu triết lý mà không khô khan, sâu sắc mà không gượng ép.

Nguyễn Việt Hà lại cuốn người đọc vào mảng hiện thực đô thị hiện đại và lối sống của tầng lớp trí thức hôm nay. Đặc biệt tiểu thuyết *Cơ hội của Chúa* đã dựng lại một thời đoạn lịch sử có nhiều biến động. Một thời đoạn mà xã hội Việt Nam đang phân hóa bởi sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường tự do. Sự đổi mới đất nước một cách toàn diện với những tư tưởng tiến bộ về phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho mỗi người được dịp phát huy tài năng phụng sự đất nước, đặc biệt là lớp trí thức trẻ với lý tưởng lập nghiệp lập thân, khát khao cống hiến, không cam chịu cảnh chỉ làm “cái ốc vít trong cỗ máy” xã hội, làm cho đời sống văn học một thời phong phú sôi động hẳn lên. Nhưng bên cạnh đó nó cũng kéo theo rất nhiều phiền phức, thách thức với nguy cơ vong bản về văn hóa và tha hóa về nhân phẩm.

Với quan niệm “nghệ thuật nhìn trở lại cuộc sống, nghệ thuật không bao giờ chết”, các nhà văn hôm nay đang làm mới văn chương bằng sự linh hoạt của ngôn từ, tính thời sự - triết luận và sự tiến bộ của tư tưởng. Thể hiện sự quan tâm, gắn bó với đời sống xã hội, theo sát những bước đường, những thăng trầm của cuộc sống và sự trăn trở của nhà văn trước thực trạng xã hội hôm nay dường như là điểm chung trong các sáng tác văn học của các nhà văn thời kỳ này.

Made in Việt Nam của Thuận đã thể hiện một sự đánh giá tích cực về những đổi thay của đất nước trong những năm đầu Đổi mới từ góc nhìn của một người con xa xứ: “Cuối cùng Hà Nội cũng đến được năm 2000 (...) 20 năm đã qua, Hà Nội không còn là thành phố của thế hệ những người nói tiếng Pháp còn nhanh hơn tiếng Việt. 20 năm đã qua, Hà Nội cũng không ngỡ ngàng nhiều khi bước vào năm cuối của thiên niên kỷ. Bởi vì thực ra năm 2000 của Hà Nội đã bắt đầu từ 20 năm trước, từ một nụ cười chiến thắng đại diện cho 3 triệu nụ cười của thủ đô, cho 60 triệu người dân Việt” (Thuận, 2003).

Có được cuộc sống hoà bình và sự phát triển như hôm nay, cũng không nên quên những hi sinh thầm lặng mà những người lính đã tình nguyện hiến dâng cả tuổi xuân, sức trẻ và xương máu của mình để nhận về một nỗi buồn chiến tranh man dại. Ước mơ đến cháy lòng của Kiên và những người lính trong *Nỗi buồn chiến tranh* là một cuộc sống hoà bình, lao động yên hàn, bình dị và êm ấm, cùng nhau chung tay xây dựng những ngôi làng sống cùng thiên nhiên và gần gũi người lao động giữa núi rừng và thảo nguyên bát ngát Tây Nguyên. Khai phá từng vùng đất mới: “Từ đèo Ngoạn Mục, qua Đon Dương, Đức Trọng, xuôi đường 20 láng bóng, thẳng tắp về Di Linh”... (Bảo Ninh, 2005, tr. 244). Ước mơ được gắn bó với cuộc sống của quê hương đất nước như tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho những người lính và cũng tạo cảm hứng cho nhân vật làm nghề nhà văn trong tác phẩm.

Thâm trầm, sâu sắc, điểm xuyết vài nét biếm họa, hoạt kê, *Chân dung cát* của Inrasara lại hướng người đọc vào đời sống dân tộc Chăm đương đại với những “lát cắt bén ngọt” làm nên diện mạo “lập thể” tinh thần Chăm qua góc nhìn của một nhà văn hết sức gắn bó với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc mình. Luôn khát khao “đi tìm tư tưởng nền tảng của văn học Chăm hôm qua”, “phát quang cho lối đi vô định cho sáng tác văn chương Chăm hôm nay”. Tình trạng nghèo khổ, lạc hậu, phiêu pha, không bắt kịp nhịp sống thời đại của xã hội Chăm hôm nay được J'Man - một nhà văn người Chăm khái quát: “Ta từ nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp không quá độ Tư bản chủ nghĩa với

nhảy sang Xã hội chủ nghĩa. Ngôi chưa nóng dứt lại bị ném vào xã hội hậu công nghiệp. Chúng ta lúng túng lùng túng nên đâm phải chân nhau” (Inrasara, 2006, tr. 152). Ân sau sự trào lộng không nương nhẹ đối với những cực đoan, huyễn tưởng, viễn vông, rò dại, phi thực tế... của người Chăm đương đại là sự “Sẽ chia gánh nặng buồn thương định mệnh con người. Và một vẻ đẹp Chăm đậm tính nữ, thuần khiết, phồn thực, ẩn hiện quuyền rũ trong tác phẩm, vừa như một sự cứu rỗi, vừa như một nỗi ngậm ngùi”... (Inrasara, 2006, tr. 10). Và câu hỏi *Chân dung cát* hay là *Chân dung Chăm* trở thành một ám ảnh...

Đang trong thời kỳ phát triển, Việt Nam là một “ngôi sao đang lên”, là điểm đến của văn hóa và du lịch. Những tư tưởng văn hóa và tư duy kinh tế hiện đại được tiếp thu một cách nhanh nhạy làm thay đổi tư duy và nếp sống của người Việt. Giữa cơn xoáy lốc của cơ chế thị trường và cuộc sống mới thời hiện đại thì tình yêu quê hương đất nước và mối quan hệ gắn bó giữa nhà văn với cuộc sống vẫn được thể hiện một cách sâu sắc trong các tác phẩm văn chương.

2.2. Nhu cầu nhìn nhận về thực trạng đất nước và lí giải nguyên nhân của thực trạng đó

Trong văn xuôi Việt Nam sau 1986, một vấn đề “nóng” rất được các nhà văn quan tâm tìm hiểu, khám phá và lí giải là thực trạng xã hội, đất nước và con người trong thời kỳ mới. Thực ra đây cũng không phải là vấn đề mới vì bất cứ nhà văn theo khuynh hướng hiện thực nào khi sáng tạo dù trực tiếp hay gián tiếp cũng đều đề cập. Nhưng nếu các nhà văn ở giai đoạn trước có lúc đã mô phỏng, sao chép hiện thực một cách máy móc hoặc quá đề cao cái thực tại mà lơ lửng phân tư tưởng thì trong văn học giai đoạn này, các nhà văn rất có ý thức trong việc “lạ hóa” hiện thực. Đối với các nhà văn đương đại, hiện thực chỉ là cái phong nền để nhà văn đưa người đọc vào một tầm nhìn rộng lớn qua đó bày tỏ cách đánh giá, cách nhìn nhận, thể hiện sự nghiền ngẫm có tư tưởng của mình.

Được sự khuyến khích của chủ trương chống tiêu cực mà Đảng phát động, văn học như được chấp thêm cánh. Các nhà văn giờ đây không chỉ bám vào tả thực một cách cứng nhắc, chỉ ngợi ca những cái “hoàn toàn tốt” hoặc “cơ bản là tốt” nữa mà họ đã bắt đầu thể hiện chính kiến của mình, dám “nói thẳng”, “nói thật”, nói đến cả những mặt trái của xã hội, nhất là những mặt trái trong cơ chế thị trường, thậm chí tố cáo cả những cái xấu, cái ác, những bất cập trong đường lối chủ trương, phê phán cả một số nhân vật trong giới lãnh đạo... Đây thực ra là một cách tiếp cận hiện thực vừa trực diện vừa đa diện, đánh dấu một bước trưởng thành của văn học, chứng tỏ năng lực bao quát cuộc sống, sự từng trải và trình độ nhận thức sâu sắc của nhà văn trong những thời đoạn nhất định của lịch sử.

Cơ hội của Chúa và *Khải huyền muôn* của Nguyễn Việt Hà đưa người đọc tiếp cận một môi trường rộng lớn, phức tạp của thế giới quan chức, người mẫu, tầng lớp thị dân trí thức - những tầng lớp vốn được coi là nghiêm chỉnh, đức cao vọng trọng trong xã hội. Với “mẫu thử” là đồng tiền và cơ chế thị trường thời mở cửa, tác giả đã thể hiện sự quan sát một cách mới mẻ, táo bạo, đi sâu vào mọi ngõ ngách của cuộc sống mới, quan tâm đến những vấn đề thời sự của con người và cuộc đời hôm nay, mở ra một loạt thực trạng đáng báo động. Đó là sự bán loạn, nhiễu nhương, lối sống chup giật, những thủ đoạn kiếm chác phi nhân của những kẻ cơ hội, mong muốn làm giàu bằng mọi cách, kể cả trôn thuê và buôn lậu, hề “sênh ra là nhai vốn của nhau”. Phương châm sống của họ là

“người có tiền là người thắng cuộc”. Do đó chỉ bằng kiến thức và tài năng không thôi chưa đủ, muốn làm kinh tế ở thời điểm này nhất định phải có tiền, có thế lực, có sự mạnh mẽ quyết đoán và kể cả những thủ đoạn độc ác. Trong một thời buổi “nhỏ nhỏ nhăng nhăng... ông không ra ông, thằng không ra thằng”, tất cả bị cuốn vào cơn lốc xoáy của cơ chế thị trường. Thực trạng “quan buôn lậu”, nhận tiền hối lộ, nhảm lẫn là chuyện... bình thường. Thậm chí quan buôn lậu còn “có thể hơn dân buôn lậu”, “Những phi vụ xuyên dọc chiều dài đất nước có thể là của dân, nhưng muốn xuyên ngang các quốc gia chỉ có thể là của quan” (Nguyễn Việt Hà, 2006, tr. 99). Những khái quát “xanh rờn” kiểu như thế này được phát ra từ miệng của lớp người trẻ tuổi khát khao lập thân lập nghiệp trong cuộc đời mới, đặc biệt là nhân vật Hoàng - một trí thức trẻ có kiến thức, có tài năng, bị đẩy khỏi cuộc chơi do không bắt kịp nhịp sống thời đại. Sự nhìn nhận về thực trạng đất nước do vậy mà có chiều sâu triết lý hơn. Anh nhìn thấy cuộc sống hiện thời có quá nhiều cái ác, quá nhiều việc ác, “có người vô tình làm ra cái ác mà không biết, có người là nạn nhân của cái ác vô thức” (Nguyễn Việt Hà, 2006, tr. 101). Ngay chính Hoàng - một người trẻ tuổi đầy nhiệt huyết hăm hở bước vào đời với những hi vọng dầm dề sự chủ quan và sự tự tin rằng kiến thức và tài năng đích thực của mình nhất định sẽ làm thay đổi một cái gì đó. Thế nhưng thực tế “làm gì có sự vỡ toang. Làm gì có sự đổi thay. Mọi thứ từ từ mùn. Cuộc sống lật vạt chưa đủ mạnh để tạo áp suất ép vỡ bất cứ cái gì” và ngậm ngùi vì “đã đủ thấy vị đắng của miếng cơm ăn nhờ... đã thấy ngưỡng cửa nhà người cao quá khó trèo qua” (Nguyễn Việt Hà, 2006, tr. 87). Bằng sự quan sát tinh tế, Nguyễn Việt Hà đã chạm vào được những phần khuất khúc nhất của cuộc sống. Thực tế những người tài không tìm được chỗ đứng cho mình, không có những cơ hội để phát triển tài năng trong một môi trường nhỏ nhăng hỗn loạn thuờ giao thời không phải là không có. Tuy nhiên nhà văn cũng tỏ ra bất lực khi không tìm được lối thoát cho nhân vật mà chỉ hi vọng “đến thế kỷ XXI thì những mẫu người như Hoàng sẽ được nhân loại cần” còn bây giờ “phải lặn lội là chuyện đương nhiên”. Cách duy nhất đối với Hoàng lúc này là tìm viết để quên, tìm rượu để say, tìm tôn giáo để dựng dậy đức tin. Nguyễn Huy Thiệp gọi đây là chiêu pháp “tuý quyền” trong văn học. Bởi qua những cơn say, nhân vật nhà văn có thể giải bày hết những ẩn ức trong lòng và thái độ với thực tại dù nó chỉ được trình bày gián cách qua những câu chuyện mang tính ngụ ngôn, những đoạn trữ tình ngoại đề mang tính chất triết lý.

Với *Cơ hội của Chúa*, Nguyễn Việt Hà tỏ ra rất sắc sảo trong việc “lột mặt nạ” cơ chế thị trường thời mở cửa, phê phán cơ chế quan liêu bao cấp bảo thủ, phi nhân bản, sự yếu kém trong quản lý kinh tế xã hội và những nguy cơ dẫn con người tới sự tha hóa. *Cơ hội của Chúa* giúp người đọc suy nghĩ và hình dung về thực trạng xã hội và tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội ta thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở “phản ánh được vài ba khía cạnh cơ bản nhất của cuộc sống”, Nguyễn Việt Hà đã gióng một tiếng chuông báo động về hiện trạng đời sống đang có nguy cơ đe dọa sự tồn vong của quốc gia: ấy là sự băng hoại về đạo đức, sự suy đồi nhân cách, sự xuống cấp vô phương cứu chữa của thói vô luân nơi một số bộ phận trí thức hôm nay. Cơn “lốc xoáy” của cơ chế thị trường và giao thoa văn hóa Đông - Tây làm cho “tất cả đều không theo, tất cả đều trôi dạt theo con đường mà thật tâm họ không muốn”. *Cơ hội của Chúa* còn tạo cơ hội cho tác giả được bộc bạch nỗi lòng, được “viết như trong lòng họ có một nỗi khát khao không được giải thoát đối với những cái phù phiếm của cuộc đời, khát khao vì những gì họ thêm muốn

không bao giờ có được trong cuộc đời thực, không thể thoả mãn trong cuộc sống thực”... (Nguyễn Việt Hà, 2001).

Trong *Khải huyền muộn*, nhân vật nhà văn Bạch dẫn người đọc vào thế giới quan chức, công chức với kiếp sống tù đọng, tẻ nhạt, “xám xịt nhờ nhờ”, làm thui chột năng lực và cá tính sáng tạo của người trí thức. Qua mắt nhà văn Bạch - cũng là một công chức sống trong cộng đồng đó thì: “Sin hoạt công chức là một vũng lầy đọng nhiều thói nửa hay nửa dở của đám tiểu thị dân. Một phòng lắp máy điều hoà nhiệt độ chưa tới trăm thước vuông gồm khoảng ba chục người lớn nhỏ giới tính và tuổi tác. Những cảnh hồng không nụ không hoa chỉ còn lặt vặt gai với những chồi chưa già đã úa... sên sệt giống nhau, quỵện vào nhau...” (Nguyễn Việt Hà, 2005, tr. 22-23).

Đây cũng là một thực trạng đáng buồn của đời sống công chức trong xã hội mà nhà văn với tư cách là người trong cuộc rất am tường. Ấn đầng sau cái nhìn hài hước, biếm họa là tiếng thở dài cố nén trước thực cảnh nhảm chán, đơn điệu, thiếu bản sắc, thiếu cá tính “Quanh quẩn mãi chỉ bài ba đáng điệu - Tới hay lui cũng chùng ấy mặt người” trong khi xã hội đương đại đang liên tục hội nhập, phát triển, cập nhật thông tin... và một câu hỏi khắc khoải trong lòng tác giả là vấn đề trách nhiệm của người trí thức trong cuộc sống hôm nay. Chính anh từng tâm sự: “Tôi cũng là trí thức. Hơn ai hết tôi hiểu những suy nghĩ của giới mình. Trong vòng quay chóng mặt của cuộc sống, nhiều khi họ đánh mất mình. Nhiều người vẫn ôm trong mình nhiều khát vọng nhưng khi va đập với cuộc sống, vô tình nó bị tầm thường hóa”. Qua tác phẩm của mình, anh nghĩ “biết đâu, nhiều người sẽ cảm ơn tôi vì giúp họ nhận ra bản thân mình” (Nguyễn Việt Hà, 2005).

Không nên máy móc đồng nhất hiện thực trong tác phẩm với hiện thực ngoài đời nhưng những thực trạng cuộc đời, những vấn đề mà tác giả gọi ra trong tác phẩm cũng rất đáng được quan tâm suy nghĩ. Tuy chưa phản ánh được nhiều những biến đổi của cuộc sống trong một thời đoạn lịch sử đầy biến động, sự lý giải của tác giả có lúc còn cực đoan nhưng nó đã phản ánh được rõ nét trạng thái lưỡng lự của người cầm bút trong thời kỳ đầu Đổi mới. Nhất là trong sự quan sát, chiêm nghiệm của những nhân vật làm nghề viết lách, văn chương. Bởi cơ chế thị trường, trong khi có tác dụng to lớn trong việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống xã hội thì cũng làm thay đổi cách nhìn nhận về địa vị con người. Các nhà văn cay đắng khi bị đẩy xuống hàng thứ yếu, hầu hết trong thời kỳ đầu bị gạt ra khỏi sự phát triển kinh tế của xã hội, vì thế không phải ngẫu nhiên mà các tác phẩm của họ đều ít nhiều tập trung vào khai thác nét tiêu cực của cơ chế mới. Nói một cách hài hước như nhà phê bình Nguyễn Thanh Sơn: “Giống như con cáo trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine, họ cũng nhìn chòm nho kinh tế thị trường và bĩu môi: nho hãy còn xanh lắm” (Nguyễn Thanh Sơn, 2001).

Các nhà văn đương đại đã chứng tỏ khả năng bao quát cuộc sống và tư duy sắc sảo của mình trong sáng tạo nghệ thuật. Tác phẩm văn chương của các nhà văn thời kỳ này vừa bám rễ với hiện thực đất nước, phân tích khái quát, sắc sảo thực trạng xã hội và những vấn nạn của xã hội cần được khắc phục trong giai đoạn đầu Đổi mới, vừa có chiều sâu tư tưởng, triết lý và tính nghệ thuật cao, đưa văn chương về gần với cuộc sống. Cùng với sự biến đổi trong đời sống xã hội và ý thức nghề nghiệp của người sáng tạo là sự thay đổi quan niệm về bản chất của văn học, về vai trò đích thực của nhà văn cũng như sự thay đổi quan niệm nghệ thuật về hiện thực và con người, về thi pháp thể loại... thì nhu cầu thẩm định, đánh giá lại các giá trị đời sống và giá trị thẩm mỹ một cách chân xác,

khách quan với tinh thần hoài nghi lịch sử, nhận thức lại mọi giá trị của đời sống hiện thực và nghệ thuật là một hành động thúc đẩy văn học phát triển.

2.3. Nhu cầu thể hiện định hướng của tác giả trong việc tìm tòi về hình thức nghệ thuật

Một nhà văn khi bắt đầu con đường văn nghiệp bao giờ cũng phải tự đặt ra những câu hỏi: Viết cho ai? Viết cái gì? Viết để làm gì? Viết như thế nào? Trong văn học Việt Nam 1945-1975, vấn đề viết cho ai (đối tượng), viết cái gì (nội dung) và viết để làm gì (mục đích) luôn được coi là mục tiêu số một của các nhà văn. Những tìm tòi về phương diện nghệ thuật chưa phải là vấn đề có tính quyết định trong sáng tạo nghệ thuật giai đoạn này. Văn học Việt Nam giai đoạn sau 1986 lại đặc biệt quan tâm tới hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn chương. Là người sáng tạo, nhà văn ý thức được rằng người đọc hôm nay có trình độ đọc cao, yêu thích sự mới lạ và sẵn sàng chấp nhận sự thách đố trong cảm quan thẩm mỹ. Chính vì thế hơn ai hết các nhà văn phải tự ý thức được rằng không thể viết như trước được nữa. Do vậy nhà văn bắt buộc phải đổi mới cách viết nếu không muốn đánh mất độc giả của mình và nhân vật nhà văn với đặc thù nghề nghiệp của mình là nhân vật thích hợp nhất trong thể hiện những định hướng tìm tòi, những thể nghiệm về hình thức nghệ thuật và ý thức nghề nghiệp của người sáng tạo. Thông qua nhân vật nhà văn, những vấn đề thuộc yếu tố kỹ thuật văn chương, những định hướng tìm tòi về hình thức nghệ thuật vốn là sự tự thể hiện ý thức nghề nghiệp của người sáng tạo được thể lộ một cách tự nhiên.

Nhân vật Bạch trong tiểu thuyết *Khải huyền muộn* của Nguyễn Việt Hà dường như sợ độc giả không hiểu “ý đồ nghệ thuật” của mình cho nên đã đóng vai là một người chú giải trong tác phẩm. Nhà văn này trong một lần đối thoại với những người bạn văn đã hé lộ hướng phát triển cuốn tiểu thuyết đang viết của mình là sẽ viết về công việc của một nhà văn bằng thủ pháp “*tiểu thuyết trong tiểu thuyết*”, bằng lối viết đa âm, không quan tâm đến nội dung câu chuyện mà chỉ chú ý đến cấu trúc của nó, lại rất thích lối kể chuyện ở ngôi thứ nhất nên chọn nhà văn là nhân vật chính sẽ phù hợp nhất cho tác phẩm của mình. Cách nhà văn tự thuật, tự bạch về những công việc mình sẽ làm trong tác phẩm vốn không lạ trong văn chương thế giới nhưng khá mới đối với văn chương và độc giả Việt Nam. Độc giả đọc tác phẩm thấy ngỡ ngàng vì những gì nhân vật kể chính là nội dung của cuốn tiểu thuyết mà họ đang đọc. Sự sắp xếp chấp nối liên hoàn các cấu trúc làm nổi bật tính luận đề tư tưởng cho tác phẩm. Tác phẩm vừa có sự minh bạch rõ ràng lại vừa bí ẩn, tăng thêm độ hấp dẫn, sức cuốn hút và làm xoay chiều nhận thức, quá trình thụ cảm của người đọc.

Cấu trúc của một số tác phẩm thời kỳ này như *Nỗi buồn chiến tranh*, *Chân dung cát*, *Đi tìm nhân vật*... làm nên một chuỗi xoắn kép, song trùng lần lượt được giải mã qua điểm nhìn của nhân vật nhà văn (thường nhập nhòa với tác giả và người kể chuyện) trong tác phẩm. Ở một số tác phẩm khác như *Cơ hội của Chúa*, *Phố Tàu*, *Thoạt kỳ thủy*... lại có một nhân vật nhà văn làm công việc của một nhà văn thực thụ trong tác phẩm. Đó là sáng tạo ra những tác phẩm khác, vừa là để thỏa chí sáng tác của mình vừa làm nên một sợi dây nối kết nội dung tư tưởng giữa các văn bản và chủ đề sáng tác tác phẩm, đồng thời thí nghiệm luôn những bút pháp nghệ thuật mới.

Nhà văn J'Man trong tiểu thuyết *Chân dung cát* của Inrasara trong hành trình tìm về nền văn hoá Chăm huy hoàng xưa qua những tàn tích cũ đã kể lại câu chuyện một

cách ngẫu hứng. Khi thì được cắt dán bởi “hồ sơ bệnh án” nhân thân, lúc lại là một trích đoạn ghi chép trong sổ tay, lịch làm việc, một bài thơ hay những suy tưởng rời rời của các nhân vật... và khi đối chiếu các điểm nhìn trong những chiều kích không - thời gian phân mảnh, rời rạc lại với nhau, người đọc cảm nhận được một nền văn hoá Chăm đẹp, đậm nữ tính và có ma lực quyến rũ diệu kỳ cũng như tâm chân tình của người viết đối với nền văn hoá dân tộc.

Hiện diện một cách “mờ mờ nhân ảnh” và cũng đặc biệt độc đáo là nhân vật nhà văn xưng “Tôi” trong tiểu thuyết *Phố Tàu* của Thuận. Nhà văn này từ chỗ là người kể chuyện, chủ thể sáng tạo ra các hệ thống nhân vật trong hai truyện ngắn có tựa đề “I’m yellow” bỗng chốc trở thành đối tượng để nhân vật của mình “hành hạ”, cật vấn. Từ chỗ tự xưng là “tôi” bỗng biến thành “chị ta”, từ chỗ là một nhà văn hiện hữu ở thực tại lại có thể chui vào miền đất ảo sống cùng nhân vật và ngược lại nhân vật từ trong tác phẩm lại có thể đến được thế giới thực của chính tác giả. Kết cấu truyện lồng trong truyện, hư cấu lồng trong hư cấu, ý thức và vô thức, ngẫu hứng và kỷ luật đan xen lẫn lộn làm cho tác phẩm như một mê cung rời rời mù mịt. Điểm nhìn trần thuật thay đổi liên tục, khác xa với văn phong truyền thống. Người đọc không được theo dõi tác phẩm một cách liền mạch mà phải dừng lại giữa những khoảng ngưng nghỉ của những tác phẩm, những trang bản thảo của nhân vật nhà văn. Những quãng ngưng nghỉ giữa các truyện ngắn trong cùng một tác phẩm vừa thử thách tính kiên nhẫn của độc giả vừa tạo sự “đôi món”, bót nhảm cho văn chương. Hơn nữa, những nghịch lý trong tác phẩm thứ hai khiến độc giả buộc phải dừng lại để suy ngẫm và do vậy càng tạo hiệu ứng cho mối quan hệ giữa văn học - nhà văn và bạn đọc.

Với sự tham gia trực tiếp của nhân vật người viết trong tác phẩm và việc thuật lại tiến trình viết tác phẩm của mình hoặc trao đổi, bàn luận với các nhân vật khác về một vấn đề nào đó, nhà văn đã gián tiếp bộc lộ quan điểm sáng tạo, mở rộng chủ đề cho tác phẩm, đồng thời có thể chèo lái cốt chuyện theo ý đồ sáng tác của mình.

3. Kết luận

Như vậy, sự xuất hiện của những loại nhân vật đặc trưng trong văn xuôi mỗi thời kỳ thể hiện sự biến đổi trong phương thức tư duy và hình thức thể hiện của nhà văn. Việc đề cho nhân vật nhà văn xuất hiện trong tác phẩm hoàn toàn nằm trong ý đồ sáng tạo nghệ thuật của họ, khơi dậy một nguồn cảm hứng nối dài của văn học khi viết về chính nó, đồng thời thể hiện nhu cầu muốn trao đổi về học thuật, về thế giới quan, nhân sinh quan, về những chiêm nghiệm suy tư mang tính chất triết lý của chính bản thân tác giả. Nhân vật nhà văn là một nhân vật đặc biệt có sự liên đới về tư tưởng với tác giả, cũng là một đầu mối trung tâm có vai trò lôi kéo, liên kết các dữ kiện trong tác phẩm thành một chỉnh thể để vừa có sự tạo tác về ý nghĩa cho tác phẩm, vừa phát huy xu hướng dân chủ hóa văn chương. Bởi thế dù cho trong văn học đương đại thiếu vắng hẳn sự phân tích tâm lý nhân vật, các tác giả không tập trung xây dựng nhân vật trên góc độ tâm lý - tính cách, kết cấu cốt truyện như những mặt cắt lắp ghép rời rạc, ngôn ngữ chắp dính, mỗi tiểu thuyết lại như một kiểu liên kết của nhiều văn bản khác nhau... nhưng ý nghĩa tác phẩm nằm trong chính logic nội tại của nó nên văn học vừa hiện diện như “cái không thực” nhưng lại “thật hơn cả sự thực”. Đồng thời qua nhân vật nhà văn, các tác giả lại thể hiện được những bản khoán day dứt, những định hướng nghệ thuật, sự tìm tòi và ý thức nghề nghiệp của mình trong vai trò là người sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Tuấn Anh (2006). Đổi mới văn học và tinh thần nhân văn mới trong sự hội nhập ý thức toàn cầu. *Nghiên cứu Văn học*. Số 12.
- Phan Cự Đệ (2003). *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Việt Hà (2005). *Khái huyền muộn*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Việt Hà (2006). *Cơ hội của Chúa*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Inrasara (2006). *Chân dung cát*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Văn Long (2007). Dân chủ hóa - một trong những thành tựu của văn học thời kì Đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*.
- Bảo Ninh (2005). *Nỗi buồn chiến tranh*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn Thanh Sơn (2001). *Phê bình văn học cảm tính*. Hà Nội: NXB Hà Nội.
- Trần Đình Sử (Chủ biên) (2004). *Tự sự học*. Hà Nội: NXB Đại học sư phạm.
- Thuận (2003). *Made in Việt Nam*. California: NXB Văn mới.

SUMMARY

THE NEED FOR EVALUATION AND REVIEW OF LIFE VALUES IN VIETNAMESE PROSE AFTER DOI MOI FROM THE PERSPECTIVES OF WRITER CHARACTERS

Pham Thi Thu Huong

Faculty of Education, Khanh Hoa University, Nha Trang

Received on 25/8/2021, accepted for publication on 12/11/2021

The year 1986 marked an important milestone in Vietnamese society, creating important changes in all fields including literature. The article explores the need to review and re-evaluate life values Vietnamese prose in post-Doi Moi era from perspective of the writer characters system. Viewed from this type of character, it is possible to understand more about the cognitive needs of the authors, namely the writer's need to show their social responsibility, their awareness of the current state of the country, and their search for new art forms. By surveying a number of typical works that build the image of writer characters, the article aims to contribute to affirming the spirit of self-awareness in Vietnamese literature after Doi Moi.

Keywords: Doi Moi; Vietnamese prose; writer character; self-awareness; life values.